

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01/9/2021.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Tâm và ông Trịnh Quyết Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký phiên tòa - Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2021/TLST-HN&GD ngày 12 tháng 7 năm 2021 về Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Văn C, sinh năm 1979; địa chỉ: Bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. vắng mặt.

2. Bị đơn: chị Lò Thị L; sinh năm 1990; địa chỉ: Bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 7 năm 2021, bản tự khai tại Tòa án nguyên đơn anh Lò Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn C và chị Lò Thị L được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương chung sống với nhau từ năm 2008, nhưng đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 22/5/2014; kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Cuộc sống chung hôn hạnh phúc được 09 năm sau đó nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp, vợ chồng không thống nhất với nhau về làm ăn kinh tế, gia đình không còn hòa thuận như trước. Đến đầu năm 2017 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thường xuyên bất hòa, dẫn đến không thể tiếp tục chung sống, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay không quay về nhà chung sống với anh C nữa. Trong thời

gian không cùng chung sống, tình cảm giữa hai vợ chồng ngày càng phai nhạt do thiếu đi sự quan tâm, chia sẻ, nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách và đến nay anh C không còn tình cảm với chị L. Anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được ly hôn với chị Lò Thị L.

Về con chung: Anh Lò Văn C và chị Lò Thị L có 02 người con chung, các cháu tên là Lò Văn Q, sinh ngày 17/3/2009 và Lò Văn N, sinh ngày 04/5/2014. Hiện tại các con đều ở với anh C. Khi có đơn khởi kiện ly hôn anh C nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu cả 02 con chung, nhưng quá trình giải quyết anh C thay đổi yêu cầu nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu N cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; do cả hai bên đều có nghĩa vụ nuôi con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của anh C.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Lò Văn C đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành giao văn bản tố tụng theo quy định cho chị L, nhưng hiện tại chị L đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương; Tòa án đã tiến hành giao văn bản tố tụng cho người thân của chị L là ông Lò Văn P và ông P cũng xác nhận đã thông báo cho chị L các nội dung văn bản của Tòa án tổng đạt. Thông qua người thân của chị L là ông Lò Văn P thì được biết: Chị L cũng đồng ý ly hôn, chị L nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và giao cháu Q cho anh C nuôi dưỡng (BL50).

Tại đơn xin vắng mặt của chị Lò Thị L, chị L có ý kiến như sau: Về hôn nhân chị L cũng đồng ý ly hôn; về con chung chị L nhận nuôi dưỡng cháu N, giao cho anh C nuôi dưỡng cháu Q, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C, cho anh C ly hôn với chị L; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lò Văn Q, sinh ngày 17/3/2009 cho anh Lò Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; giao cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh C, do anh C là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con của anh Lò Văn C với chị Lò Thị L thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm anh C nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, chị L có nơi ĐKKHKT tại bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, Quyết định hợp lệ. Tại phiên tòa, anh C, chị L vắng mặt, nhưng đã có đơn xin vắng mặt; việc đưa ra xét xử vắng mặt của đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi cho đương sự, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Anh Lò Văn C và chị Lò Thị L đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 22/5/2014. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, nên có thể xác định hôn nhân của anh C và chị L là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình năm 2000. Cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng hạnh phúc những năm đầu, sau đó do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị L đi làm ăn xa, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với anh C, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt; do thời gian kéo dài dẫn đến anh C không còn tình cảm với chị L. Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập đương sự để hòa giải, nhưng chị L không có mặt, anh C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, nên không thể tiến hành hòa giải cho anh chị quay về đoàn tụ. Đồng thời Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh C và chị L thấy rằng, giữa hai anh chị đã không còn chung sống, chị L bỏ đi làm ăn xa lâu không về, chị L cũng có ý kiến đồng ý ly hôn. Từ những căn cứ trên thấy rằng tình cảm vợ chồng của anh C và chị L đã rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lò Văn C, cho anh Lò Văn C ly hôn với chị Lò Thị L.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của anh C, chị L, nguyện vọng của các con chung thì thấy: Việc giao nuôi con chung cho anh C và chị L mỗi người đều có trách nhiệm nuôi con khi cả hai anh chị đều có đủ điều kiện để chăm lo, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn phù hợp như vậy sẽ đảm bảo cho con có một cuộc sống ổn định, điều này giúp con chung có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cho anh Lò Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn Q và giao cho

chị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn N, mỗi bên đều có nghĩa vụ nuôi con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.2] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử, xét thấy anh Lò Văn C đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn C được ly hôn với chị Lò Thị L.

2. Về con chung: Giao cho anh Lò Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn Q, sinh ngày 17/3/2009 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Giao cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn N, sinh ngày 04/5/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; anh Lò Văn C và chị Lò Thị L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Lò Văn C và chị Lò Thị L có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lò Văn C và chị Lò Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh C và chị L thực hiện quyền này.

Anh Lò Văn C và chị Lò Thị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Lò Văn C được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lò Văn C, chị Lò Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- UBND xã Q;
- Lưu.

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga